



Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2015 (AEC)

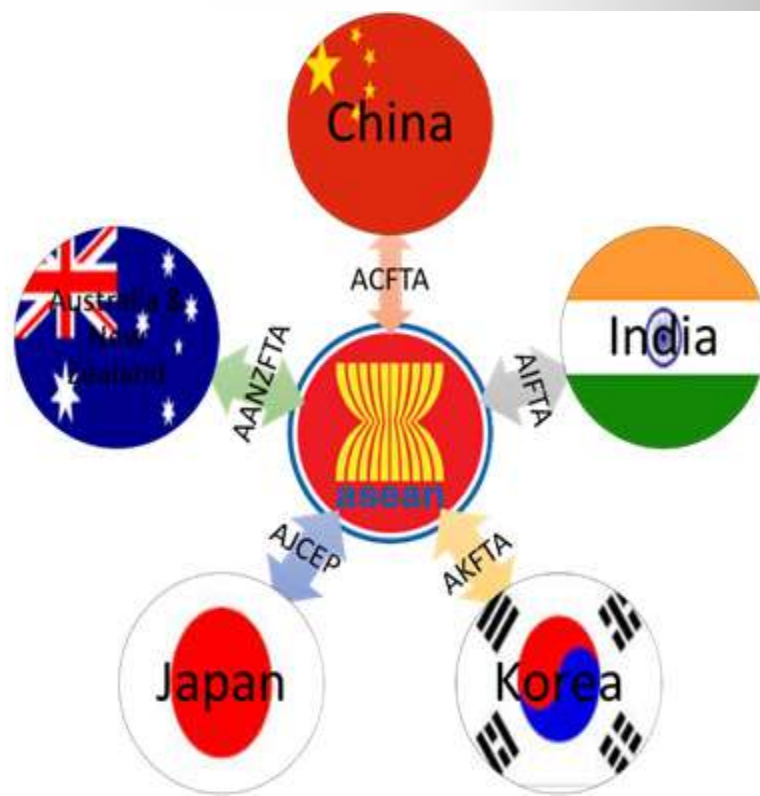
Các vấn đề cần lưu ý đối với lĩnh vực nông nghiệp

Đà Lạt, 21 tháng 9 năm 2015

Cam kết cắt giảm thuế và hạn ngạch thuế quan liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam

Bà Trương Thùy Vân

**Vụ Hợp tác Quốc tế
Bộ Tài chính**



NỘI DUNG

Phần 1: Tổng quan về tình hình XNK của Việt Nam với ASEAN

Phần 2: Cam kết thuế trong ASEAN

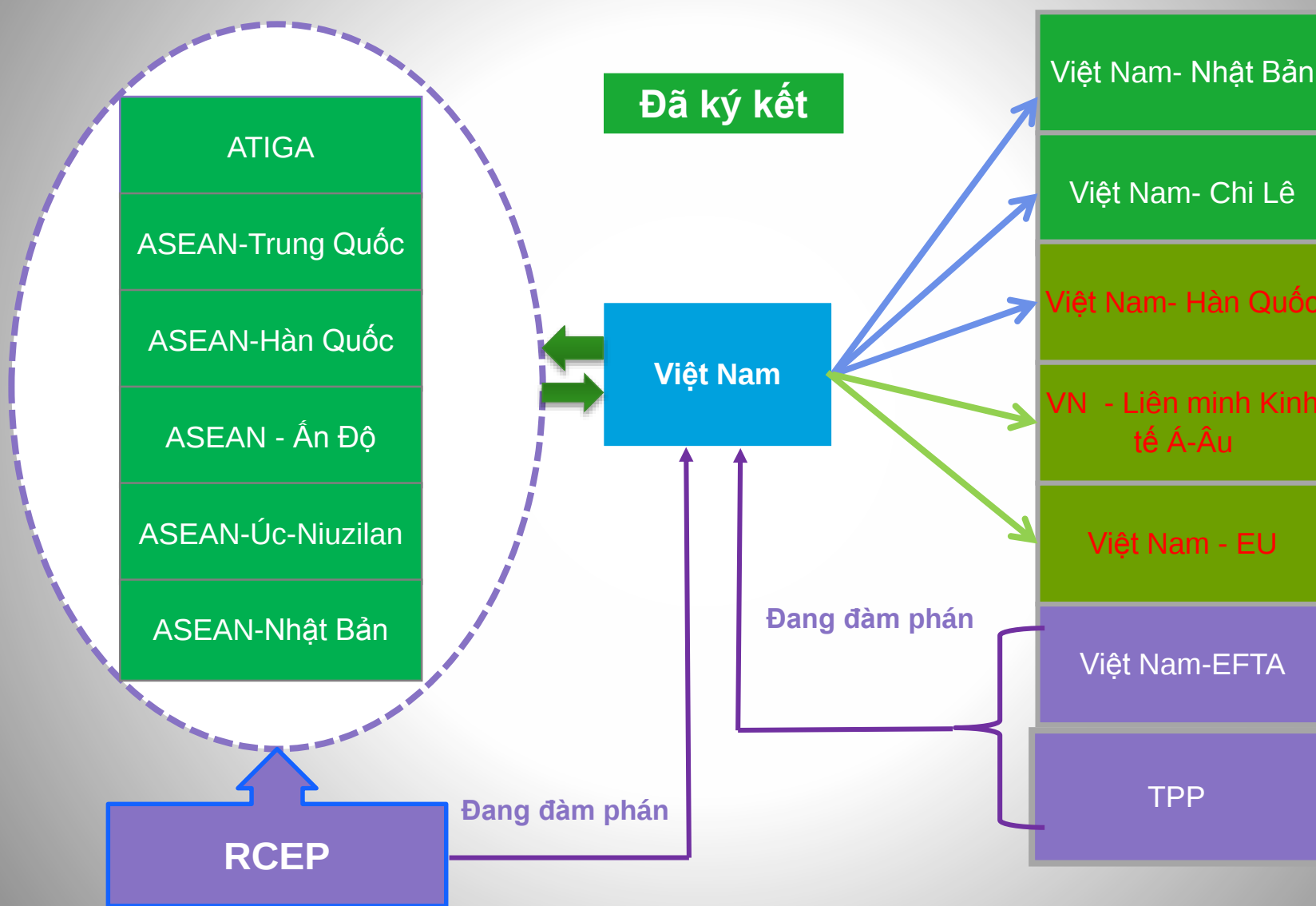
Phần 3: Tác động tới ngành Nông nghiệp

Phần 4: Cơ hội – Thách thức – Giải pháp

Phần 5: Hỏi đáp

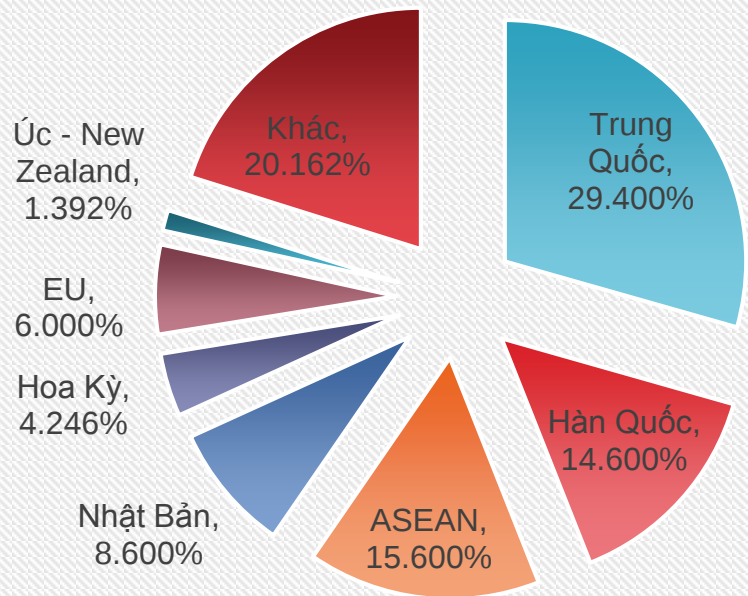
PHẦN 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH XNK CỦA VIỆT NAM VỚI ASEAN

MẠNG LƯỚI CÁC FTA ĐÃ KÝ KẾT VÀ ĐANG ĐÀM PHÁN

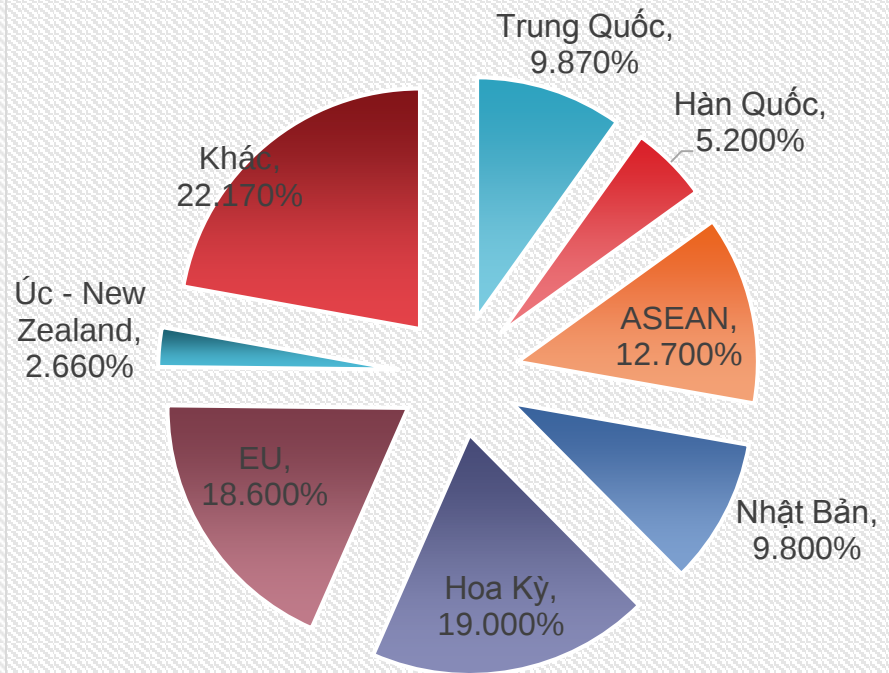


KIM NGẠCH XNK CỦA VN VỚI CÁC ĐỐI TÁC

- Kim ngạch NK

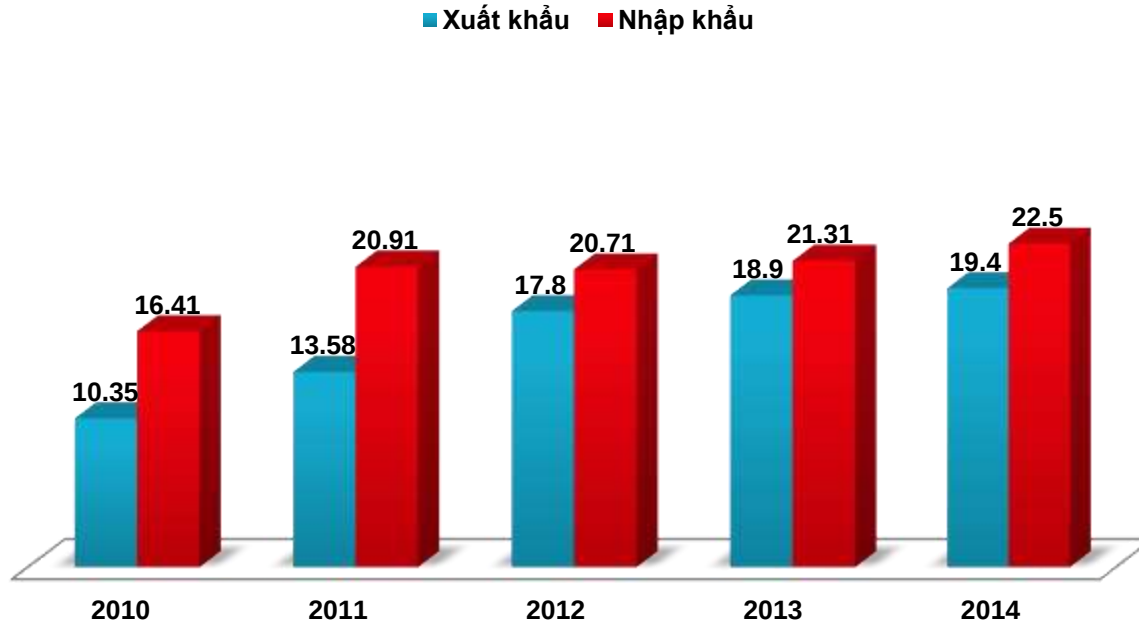


- Kim ngạch XK



THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM VỚI ASEAN

KN hàng hóa XK, NK VN - ASEAN (2010-2014)



- **Xuất khẩu** - Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của VN sang các nước ASEAN năm 2013 đạt được 18,19 tỷ đô, tăng 1,11 tỷ đô so với năm 2012. Năm 2014 đạt 19.4 tỷ đô, tăng 0.5 tỷ đô so với 2013
- **Nhập khẩu** – Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của VN từ các nước ASEAN đạt được 21.31 tỷ đô năm 2013, tăng 2,6% so với năm 2012. năm 2014 là 22.5 tỷ đô, tăng 1.19 tỷ đô

Diện mặt hàng XNK chủ yếu từ ASEAN năm 2014

- Nhập khẩu

STT	Nhóm mặt hàng	KNXK ASEAN 2014	Tỷ trọng Thế giới
1	Chất dẻo nguyên liệu	1,245,513,842	20%
2	Dầu mỡ động, thực vật	619,120,638	82%
3	Giấy các loại	678,770,751	37%
4	Gỗ và sản phẩm gỗ	1,023,759,935	50%
5	Hàng hóa khác	2,837,362,992	18%
6	Hóa chất	654,804,003	21%
7	Kim loại thường khác	508,681,672	14%
8	Linh kiện, phụ tùng ô tô	663,026,170	34%
9	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	1,385,578,700	7%
10	Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	3,544,120,092	23%
11	Sản phẩm hóa chất	585,206,126	19%
12	Xăng dầu	3,208,725,619	43%

Diện mặt hàng XNK chủ yếu từ ASEAN năm 2014

- Xuất khẩu

STT	Nhóm mặt hàng	KNXK ASEAN 2014	Tỷ trọng Thế giới
1	Cao su	344,461,575	19%
2	Điện thoại các loại và linh kiện	2,476,994,470	11%
3	Gạo	1,073,173,844	41%
4	Hàng hóa khác	1,906,348,703	16%
5	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	1,157,255,521	15%
6	Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	772,219,377	15%
7	NPL dệt may, da giày	325,870,184	28%
8	Sản phẩm chất dẻo	380,352,141	19%
9	Sắt thép	1,674,977,139	48%
10	Thủy sản	447,785,671	6%
11	Vải may mặc	381,103,365	30%
12	Xăng dầu	1,942,147,243	28%

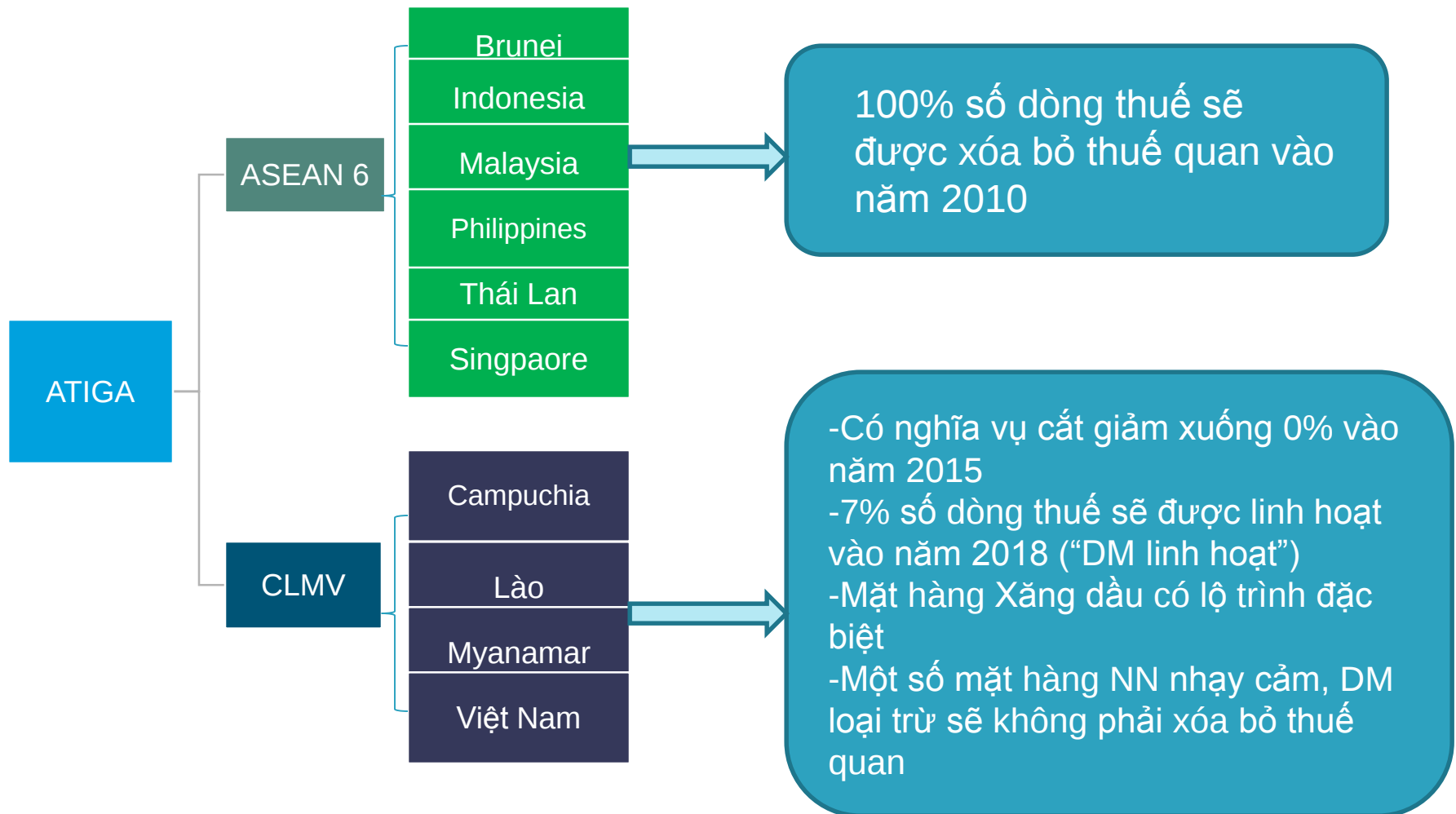
PHẦN 2: CAM KẾT THUẾ QUAN CỦA VN VỚI ASEAN

TỔNG QUAN VỀ HIỆP ĐỊNH ATIGA

- ATIGA là hiệp định toàn diện đầu tiên của ASEAN điều chỉnh toàn bộ thương mại hàng hóa trong nội khối .
- Hiệp định ATIGA được ký tại Hội nghị Cấp cao ASEAN 14 tại Thái Lan và bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 17/5/2010.
- Nguyên tắc xây dựng cam kết trong ATIGA là các nước ASEAN phải dành cho nhau mức ưu đãi tương đương hoặc thuận lợi hơn mức ưu đãi dành cho các nước đối tác trong các Thỏa thuận thương mại tự do (FTA) mà ASEAN là một bên của thỏa thuận.
- Việt Nam đã cắt giảm 72% tổng Biểu thuế xuất nhập khẩu xuống thuế suất 0% tính đến thời điểm 2014.
- Bộ Tài chính ban hành thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định Thương mại ATIGA giai đoạn 2015-2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/2015, thay thế Thông tư 161/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

HIỆP ĐỊNH ATIGA

Khung thời gian cắt giảm thuế



Lộ trình ATIGA giai đoạn 2015-2018

- Từ ngày 1/1/2015, đã có thêm 1.706 dòng thuế được cắt giảm xuống thuế suất 0% (trong đó có 601 dòng thuế là các sản phẩm nông-lâm nghiệp) . Số còn lại gồm 669 dòng thuế (chiếm 7% Biểu thuế), chủ yếu là những mặt hàng nhạy cảm trong thương mại giữa Việt Nam và ASEAN, sẽ xuống 0% vào năm 2018, tập trung vào các nhóm hàng như ô tô, xe máy, phụ tùng linh kiện ô tô xe máy, dầu thực vật, hoa quả nhiệt đới, đồ điện dân dụng như tủ lạnh, máy điều hòa, sữa và các sản phẩm sữa... Có 72 dòng thuế thuộc sản phẩm nông-lâm nghiệp được đưa vào danh mục linh hoạt 7%
- Diện mặt hàng không phải xóa bỏ thuế nhập khẩu (duy trì thuế suất MFN) gồm Thuốc lá điếu, lá thuốc lá, các mặt hàng an ninh quốc phòng như thuốc nổ, súng đạn, pháo hoa, rác thải y tế, lốp cũ...

DANH MỤC CẮT GIẢM THUẾ NĂM 2015

Nhóm hàng	Số dòng	KNNK ASEAN	KNNK Thế giới	Tỉ trọng
Cà phê, chè, gia vị	13	2.586.932	8.236.634	31%
Cà phê	6	148.005	1.727.069	9%
Chè	7	2.438.927	6.509.565	37%
Cacao và chế phẩm từ cacao	6	9.652.500	12.835.285	75%
Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc đang làm dở	5	1.998.434	3.347.790	60%
Hàng hóa khác	1	7.654.066	9.487.495	81%
Rượu/bia	4	193.664	1.051.044	18%
Chế phẩm từ ngũ cốc, các loại bánh	49	224.602.138	293.914.560	76%
Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc đang làm dở	34	176.600.670	211.577.687	83%
Hàng hóa khác	2	44.105.075	71.785.257	61%
Mỳ miến	13	3.896.392	10.551.616	37%
Chế phẩm từ rau quả	63	7.808.308	32.039.192	24%
Đồ uống không cồn	9	61.618.700	68.024.552	91%
Đường	7	10.135.827	45.976.437	22%
Dầu mỡ động, thực vật	64	47.058.080	59.549.296	79%
Gạo	6	5.324.689	5.372.576	99%
Rau Củ quả và hạt (Ch08)	76	134.596.048	686.677.000	20%

DANH MỤC CẮT GIẢM THUẾ NĂM 2015

Nhóm hàng	Số dòng	KNNK ASEAN	KNNK Thế giới	Tỉ trọng
Sản phẩm nông nghiệp khác	64	215.586.262	677.966.276	32%
Cà phê	4	9.102.751	17.245.818	53%
Chè	3	332.799	4.948.494	7%
Hàng hóa khác	56	205.858.571	655.448.447	31%
Thủy sản	1	292.142	323.518	90%
Bột mì	1	762.292	9.495.422	8%
Sữa và sản phẩm từ sữa	38	14.573.435	719.217.795	2%
Thịt và phụ phẩm	45	13.036	127.258.386	0%
Phụ phẩm trâu bò	9		15.103.870	0%
Thịt khác	19	2.242	10.295.219	0%
Thịt lợn	10	10.455	9.220.280	0%
Thịt trâu, bò	7	340	92.639.017	0%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	6	112.652.394	380.295.230	30%
Giấy và sản phẩm từ giấy	68	874.149.55	377.029.620	23%
Giấy các loại	64	75.883.851	363.079.113	21%
Nguyên phụ liệu thuốc lá	4	11.531.104	13.950.507	83%
Grand Total	601	847.164.306	3.127.909.685	27%

DANH MỤC LINH HOẠT TRONG ATIGA

Các nhóm hàng – DM 7% - SP nông nghiệp

Nhóm hàng	Số dòng	KNNK ASEAN	KNNK Thế giới	Tỉ trọng
Rượu/bia	41	1.302.659	78.472.308	1,66%
Bia	2	969.222	10.808.124	9%
Rượu mạnh	16	238.717	47.359.839	0,50%
Rượu vang	23	94.719	20.304.346	0,47%
Cà phê, chè, gia vị	5	48.373.453	58.273.277	83%
Cà phê	4	48.302.962	57.797.734	84%
Chè	1	70.491	475.543	15%
Chế phẩm từ ngũ cốc, các loại bánh	6	124.661.011	242.682.260	51%
Cacao và chế phẩm từ cacao	6	7.872.509	19.147.204	41%
Bánh, kẹo & sản phẩm từ ngũ cốc đang làm dở	5	40.528.879	48.464.454	84%
Hàng hóa khác	1	1.935.296	249.881.540	0,77%
Kẹo đường	5	40.528.879	48.464.454	84%
Đường	1		976	0%
Sản phẩm nông nghiệp khác	1	14.823.264	86.199.178	17%
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	6	67.738.571	296.839.145	23%
Grand Total	72	307.235.642	1.079.960.342	28%

DANH MỤC NÔNG NGHIỆP NHẠY CẢM

Các mặt hàng này được giữ thuế suất 5% sau năm 2018

Nhóm hàng	Số dòng	KNNK ASEAN	KNNK Thế giới	Tỉ trọng
Chế phẩm từ thịt	22	941.043	3.083.748	31%
Thịt cừu chế biến	2	429	307.109	0.14%
Thịt chế biến	5	91.645	624.726	15%
Thịt gà hộp	5	546.540	571.094	96%
Thịt hộp khác	1	221.947	245.018	91%
Thịt lợn đóng hộp	8	80.482	1.180.249	7%
Thịt trâu bò chế biến	1		155.552	0%
Động vật sống	6	-	-	-
Gà	4	-	-	-
Ngan ngỗng	1	-	-	-
Vịt	1	-	-	-
Đường thô	6	46.636.703	47.432.021	98%
Đường khác	1	255.257	275.100	93%
Đường pha hương liệu	1		1.150	0%
Đường thô	2	27.547.011	27.559.681	100%
Đường trắng	2	18.834.435	19.596.090	96%

DANH MỤC NÔNG NGHIỆP NHẠY CẢM

Các mặt hàng này được giữ thuế suất 5% sau năm 2018

Nhóm hàng	Số dòng	KNNK ASEAN	KNNK Thế giới	Tỉ trọng
Ngũ cốc	4	1.515.543	33.274.666	5%
Gạo	2	45.204	52.228	87%
Thóc	2	1.470.339	33.222.438	4%
Rau quả	3	5.425	41.813	13%
Chi cam quýt khác	1	-	-	-
Quả chanh	1	-	22.921	0%
Quả bưởi	1	5.425	18.892	29%
Thịt và phụ phẩm gia cầm	8	66.542	96.406.044	0.07%
Thịt gà	3	-	6.375.851	0%
Thịt gà (phụ phẩm: cánh, đùi, gan)	5	66.542	90.030.193	0.07%
Trứng	6	-	-	-
Trứng	6	-	-	-
Grand Total	55	49.165.257	180.238.292	27%

Cam kết theo Hạn ngạch thuế quan

	Muối (HS 2501)	Đường (HS 1701)	Trứng gia cầm	Lá thuốc lá
Thuế suất trong Hạn ngạch	5% → 2015 0%- 2008	5% đối với các mặt hàng đường Đối với đường củ cải: 5% → 2015 0%- 2008	5% đối với các mặt hàng trứng gia cầm	2015: xóa bỏ hạn ngạch thuế quan Thuế suất áp dụng là MFN
Thuế suất ngoài Hạn ngạch	50%-60%	80%-100%	80%	80-90%

LỘ TRÌNH LOẠI BỎ HẠN NGẠCH THUẾ QUAN

- Hạn ngạch thuế quan (TRQ) quy định trực tiếp lượng hàng hóa được phép nhập khẩu để được hưởng mức thuế nhập khẩu trong hạn ngạch thuế quan. Nhập khẩu ngoài hạn ngạch phải chịu mức thuế ngoài hạn ngạch thuế quan thường cao hơn nhiều lần
- 3 mặt hàng đang áp dụng TRQ :
 - Muối
 - Trứng gia cầm
 - Đường

Đối với mặt hàng lá thuốc lá nguyên liệu, Bộ Công Thương đã ban hành Thông tư số 07/2015/TT-BCT ngày 12/5/2015 Quy định việc không áp dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu có xuất xứ từ các nước ASEAN.

PHẦN 3: TÁC ĐỘNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

TÁC ĐỘNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

- **CHĂN NUÔI**

- Tổng KNNK 7 tháng đầu năm 2015 nhóm hàng chăn nuôi từ thế giới đạt 163 triệu USD, tăng 48% so với cùng kỳ năm 2014
- Thị trường NK chủ yếu từ 4 thị trường chính Mỹ (37%), Ấn Độ (31%), Úc & Niu Di Lân (10%)
- Các FTA mà VN đã tham gia cũng đều mở cửa cho các sản phẩm Chăn nuôi nước ngoài vào.
- Do vậy, tác động từ ATIGA tới ngành chăn nuôi có thể nói là không đáng kể vì phần nhiều các nước ASEAN không phải là các nước có nền sản xuất chăn nuôi lớn

TÁC ĐỘNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

- **NGÀNH SẢN XUẤT GẠO**

- Trong Các FTA, thì Gạo là mặt hàng thuộc danh mục Nhạy cảm.
- Gạo là mặt hàng xuất khẩu chiến lược của VN và Việt Nam là một trong các nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới với khối lượng bình quân là khoảng 6 triệu tấn/năm (KN khoảng 3 tỷ đô). Tuy nhiên VN cũng nhập gạo với số lượng khoảng 48 triệu USD chủ yếu từ Trung Quốc, ASEAN, và Ấn Độ
- Với lộ trình cắt giảm thuế trước mắt thì mặt hàng gạo sẽ có được một số lợi thế khi xuất khẩu sang các thị trường ASEAN và ra vẫn duy trì lợi thế cạnh tranh với các sản phẩm gạo thông thường. Tuy nhiên khi thuế NK gạo cắt giảm, gạo chất lượng cao từ các nước ASEAN sẽ có cơ hội hơn khi thâm nhập vào thị trường VN

TÁC ĐỘNG TỚI NGÀNH NÔNG NGHIỆP

- **NGÀNH ĐƯỜNG**

- 40 nhà máy sx mía đường - VN đứng thứ 21 về sản lượng mía
- Năng suất mía của VN còn thấp, chất lượng còn kém nên cạnh tranh yếu
- Trong ATIGA, thuế suất là 5% với lượng đường NK trong hạn ngạch, ngoài hạn ngạch thì áp dụng thuế từ 80-100%. Dự kiến dỡ bỏ hạn ngạch đường vào năm 2018 theo đúng cam kết.
- Việc xóa bỏ hạn ngạch của mặt hàng mía đường trong ASEAN có khả năng ảnh hưởng tới thị trường trong nước. Tuy nhiên ngành mía đường đã được hưởng các chính sách bảo hộ trong một thời gian dài. Việc tiếp tục bảo hộ không có sự chuyển biến về năng xuất... Chi phí cao ảnh hưởng đến đời sống người dân.
- Khi giảm t/s trong ASEAN, chi phí đầu vào của các sản phẩm bánh kẹo, sữa, nước giải khát sẽ giảm theo, giúp nâng cao sức cạnh tranh của ngành so với trong khu vực và các sp sẽ tiếp cận với người tiêu dung, đặc biệt đối tượng khó khăn

PHẦN 4: CƠ HỘI -THÁCH THỨC – GIẢI PHÁP

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

CƠ HỘI

- Việt Nam bắt đầu bước vào giai đoạn cắt giảm thuế nhập khẩu sâu trong một số FTA → Tạo động lực giúp các doanh nghiệp mở rộng giao thương, thu hút đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, cắt giảm chi phí nhập khẩu, hạ giá thành sản phẩm, tiếp cận các thị trường rộng lớn hơn.
- Đối với những mặt hàng là nguyên liệu đầu vào cho gia công, chế biến phục vụ xuất khẩu → giảm chi phí, hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh, thúc đẩy và mở rộng thị trường xuất khẩu.

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

THÁCH THỨC

- *Đối với doanh nghiệp:*

- Hiện nay, đa số doanh nghiệp của Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ, năng lực cạnh tranh hạn chế → các doanh nghiệp Việt Nam đối mặt không ít khó khăn, thách thức.
 - Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập mạnh mẽ, các nước sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam nhưng đồng thời Việt Nam cũng phải mở cửa cho hàng hóa cạnh tranh của các nước → Những doanh nghiệp có lợi thế xuất khẩu sẽ ngày càng lớn mạnh hơn, trong khi doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh yếu đối với hàng hóa nhập khẩu sẽ gặp thách thức nghiêm trọng
 - Hiện nay năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp chưa cao, khu vực tư nhân đã phát triển, song quy mô vẫn còn nhỏ và gặp nhiều hạn chế về năng lực tài chính, công nghệ;
 - Các ngành sản xuất trong nước phải đối mặt với sức ép cạnh tranh về chất lượng và giá cả của hàng nhập khẩu.
- Khi lộ trình giảm thuế diễn ra thì vấn đề quản lý tốt sẽ trở thành thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam.

GIẢI PHÁP

- Xác định được lợi thế của mình, định vị được ngành hàng, từ đó tăng cường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Nắm bắt đầy đủ cam kết về lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh → chủ động xây dựng chiến lược sản xuất, kinh doanh phù hợp trong ngắn hạn và dài hạn → tận dụng cơ hội, sẵn sàng cạnh tranh.

Một số trang web cung cấp thông tin về FTA

1. Đăng tải các Thông tư ban hành biểu thuế ưu đãi của Việt Nam

- <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/trangchu>

2. Thông tin về các Hiệp định ưu đãi của Việt Nam

<http://www.nciec.gov.vn>

- http://www.mof.gov.vn/portal/page/portal/mof_vn
- <http://www.moit.gov.vn/vn/Pages/Vanbanphapluat.aspx>

3. Thông tin về các FTAs

- Asean: <http://www.asean.org/>
- Úc: <http://www.dfat.gov.au/fta/>
- Nhật Bản: <http://www.customs.go.jp>
- Niu Zi lân: <http://mfat.govt.nz/Trade-and-Economic-Relations/2-Trade-Relationships-and-Agreements/index.php>
- Hàn Quốc:
http://www.mofa.go.kr/ENG/policy/fta/status/concluded/turkey/index.jsp?menu=m_20_80_10&tabmenu=t_3
- Trung Quốc: <http://fta.mofcom.gov.cn/english/index.shtml>
- Ấn Độ: http://commerce.nic.in/trade/international_ta_current_details.asp
- Chi Lê: <http://www.mexicotradeandinvestment.com/>

PHẦN 5: HỎI ĐÁP

Liên hệ hỏi đáp

Phòng Chính sách hội nhập tài chính khu vực

Vụ Hợp tác quốc tế

Bộ Tài Chính

Tel: (84-4) 22202828

Fax: (84-4) 22208109

Email:

ngoahoangkieunga@mof.gov.vn
(Chuyên viên phụ trách ASEAN)

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng,

Tòa tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng,

Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn (Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!